

NGHỊ QUYẾT

Quy định về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;

Xét Tờ trình số 1050/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức phụ cấp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn bản; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 334/BC-BPC ngày 08 tháng 8 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức phụ cấp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và

mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 192/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản.
- d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Lào Cai được hưởng mức phụ cấp hằng tháng, như sau:

1. Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn đặc biệt khó khăn:

- a) Bí thư Chi bộ: 1,9 lần mức lương cơ sở/tháng;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: 1,9 lần mức lương cơ sở/tháng;
- c) Trưởng Ban Công tác Mặt trận: 1,6 lần mức lương cơ sở/tháng.

2. Đối với thôn, tổ dân phố còn lại:

- a) Bí thư Chi bộ: 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng;
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố: 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng;
- c) Trưởng Ban Công tác Mặt trận: 1,25 lần mức lương cơ sở/tháng.

3. Ngân sách tỉnh hỗ trợ toàn bộ phần kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế cho người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định.

Điều 3. Chức danh, số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố gồm 08 chức danh: Phó Bí thư Chi bộ; Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Bí thư Chi đoàn thanh niên; Chi hội trưởng Hội người cao tuổi; Phó Trưởng Ban Công tác Mặt trận.

2. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

a) Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới; thôn đặc biệt khó khăn: 0,3 lần mức lương cơ sở/chức danh/tháng;

b) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại: 0,25 lần mức lương cơ sở/chức danh/tháng;

c) Đối với chức danh Phó Bí thư Chi bộ ở thôn, tổ dân phố: 0,5 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 4. Việc kiêm nhiệm chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Việc kiêm nhiệm chức danh:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

c) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm các chức danh tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố.

2. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm; kinh phí tiết kiệm do thực hiện kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách (nếu có) được để lại chi cho các hoạt động của thôn, tổ dân phố đó.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm đó;

c) Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp hoặc mức hỗ trợ kiêm nhiệm cao nhất;

d) Phụ cấp, hỗ trợ kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 5. Số lượng và mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản

1. Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí 01 nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2. Mỗi thôn ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn được bố trí 01 cô đỡ thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại thôn.

3. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản:

a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn tại các xã vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ; tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên: 0,9 lần mức lương cơ sở/tháng;

b) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại: 0,7 lần mức lương cơ sở/tháng.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2026.

2. Các nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của thôn, tổ dân phố và các tổ chức chính trị ở thôn, tổ dân phố;

b) Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định chức danh; mức phụ cấp, hỗ trợ; khoán quỹ phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

c) Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định chức danh; mức phụ cấp, hỗ trợ; khoán quỹ phụ cấp hằng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Số thứ tự 60 mục II.1 và số thứ tự 37, 38 mục II.2 phần II Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ 4 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp; Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp xã;
- Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, CVPC. 

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang